

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 129/2020/DS-PT

Ngày 15 - 7 - 2020

V/v Tranh chấp về thừa kế tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Văn Công Dân.

Các Thẩm phán: 1. Ông Nguyễn Văn Bằng.

2. Ông Hoàng Kim Khánh.

- Thư ký phiên tòa : Bà Trần Ái Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 102/2020/TLPT-DS ngày 05/5/2020 về việc “*Tranh chấp về thừa kế tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 13/2020/DS-ST ngày 10/03/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột bị kháng cáo và kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 131/2020/QĐ-PT ngày 02 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Đỗ Tuấn G, Sinh năm 1963; địa chỉ: 299 H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

- *Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Đỗ Tuấn L, Sinh năm 1970; địa chỉ: 203/11/3 Đ, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Đỗ Tuấn L:* Ông Phạm Hàn L1 - Luật sư Văn phòng luật sư H, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Đỗ Khánh L2, Sinh năm 1959 ; địa chỉ: Số 17B, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Đỗ Thị K, Sinh năm 1953; địa chỉ: 203/11/6 Đ, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

2. Bà Đỗ Thị T, Sinh năm 1956; địa chỉ: Phường 16, quận P, thành phố H, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Khánh L2 - Sinh năm 1959; địa

chỉ: Số 17B L, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

3. Ông Đỗ Chí L3, Sinh năm 1968; địa chỉ: Số 1257/3 P, phường 5, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh, có mặt.

4. Bà Đỗ Phượng L4, Sinh năm 1962; địa chỉ: Số 36A H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

5. Ông Đỗ Đăng K2, Sinh năm 1960; địa chỉ: Số 44 Đ, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

6. Bà Đỗ Phượng T1, Sinh năm 1969; địa chỉ: Số 46/18 N, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

7. Ông Đỗ Tuấn L, Sinh năm 1970; địa chỉ: 203/11/3 Đ, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

8. Bà Đinh Thị Kim H, Sinh năm 1970; địa chỉ: Số 17B L, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.;

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Chí L3, bà Đỗ Phượng L4, ông Đỗ Đăng K2, bà Đỗ Phượng T1 ủy quyền cho ông Đỗ Tuấn L, Sinh năm 1970 tham gia tố tụng, có mặt.

- *Người có kháng cáo:* Ông Đỗ Tuấn L và ông Đỗ Khánh L2.

- *Người kháng nghị:* Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 16/9/2019, bản tự khai cũng như quá trình giải quyết đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Đỗ Tuấn L trình bày:

Ngày 15/7/2003 mẹ chúng tôi là bà Lư Mộng N có nhận chuyển nhượng 01 lô đất của bà Ngô Thị L5 có diện tích sử dụng chiều ngang 6m, chiều dài 40m tọa lạc tại: 17B L, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk và ở ổn định từ đó đến khi mất. Năm 2014 bố chúng tôi là Đỗ Đình B mất, năm 2017 mẹ chúng tôi mất, không để lại di chúc. Di sản bố mẹ chúng tôi để lại là một căn nhà xây cấp 4, tọa lạc tại thửa đất trên. Hiện ông Đỗ Khánh L2 đang sử dụng căn nhà này.

Sau khi cha mẹ mất anh em chúng tôi đã bàn bạc với nhau về việc phân chia di sản của cha mẹ để lại, tất cả đều đồng ý ngoại trừ ông L2.

Nay tôi yêu cầu Tòa án phân chia di sản thừa kế của cha mẹ chúng tôi là quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại thửa đất số 111, tờ bản đồ số 61, diện tích theo giấy chứng nhận là 313,8m²(diện tích thực tế 240m²) tọa lạc tại: 17B L, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk cho 9 anh chị em chúng tôi gồm: ông Đỗ Khánh L2, ông Đỗ Tuấn G, bà Đỗ Thị K, bà Đỗ Thị T, ông Đỗ Chí L3, bà Đỗ Phượng L4, ông Đỗ Đăng K2, bà Đỗ Phượng T1, ông Đỗ Tuấn L theo quy định

pháp luật. Tôi có nguyện vọng nhận sử dụng tài sản này và hoàn trả bằng tiền mặt theo phần được chia cho những người được nhận thừa kế còn lại.

Đối với lời khai của ông L2, bà H về việc trả nợ thay cho bố mẹ tôi và đóng góp xây dựng, tôn tạo nhà thì không đúng sự thật nên tôi không đồng ý.

2. Bị đơn ông Đỗ Khánh L2 trình bày:

Tôi là con ông Đỗ Đình B (đã chết năm 2014) và bà Lư Mộng N (đã chết năm 2017). Bố mẹ tôi chết không để lại di chúc. Bố mẹ tôi có 09 người con. Tài sản bố mẹ tôi để lại là căn nhà trên lô đất có diện tích ngang 6m, chiều dài 40m tại: 17B L, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Tôi đã ở với bố mẹ tôi từ khi sinh ra cho đến năm 2017, tôi đã chăm sóc cho mẹ tôi trong khoảng thời gian 18 năm từ khi bố mẹ tôi mất sức lao động đến khi mất. Trong quá trình chung sống với bố mẹ, vợ chồng tôi đã trả nợ cho bố mẹ, xây nhà và tôn tạo lại nhà nhiều lần với tổng số tiền nhiều hơn số tiền mẹ tôi bỏ ra mua nhà.

Nay ông Đỗ Tuấn G khởi kiện yêu cầu chia di sản bố mẹ tôi để lại thì tôi không đồng ý vì các anh chị em tôi đã rời gia đình từ lâu, đã có nhà riêng. Chỉ có một mình tôi ở lại chăm sóc, nuôi dưỡng bố mẹ nhiều năm cho đến khi ông bà chết. Bố mẹ tôi đã đưa giấy tờ nhà cho tôi và dặn dò tôi và con trai tôi là cháu đích tôn sẽ giữ nhà và thờ cúng tổ tiên đồng thời vợ chồng tôi đã đóng góp rất nhiều vào việc tạo lập tài sản này.

Trong trường hợp Tòa án chia thừa kế của bố mẹ tôi thì tôi yêu cầu như sau:

- Trích di sản để thờ cúng tổ tiên, cha mẹ, ông bà;
- Tính công sức duy trì khối tài sản của vợ chồng tôi;
- Tính tiền do vợ chồng tôi đã thanh toán cho cha mẹ, tổng cộng 98.000.000 đồng (tương đương 22 lượng vàng thời điểm năm 1999);
- Tính phần tiền vợ chồng tôi đóng góp vào việc xây dựng, tôn tạo căn nhà.

Tôi có nguyện vọng được nhận tài sản vì gia đình tôi ở tại căn nhà đó từ trước tới nay. Hiện tại cũng không có chỗ ở nào khác.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Đỗ Thị K trình bày: Tôi là con của ông Đỗ Đình B và bà Lư Mộng N. Trước khi bố mẹ tôi chết đã để lại di nguyện giao nhà cho em trai tôi là Đỗ Khánh L2 và cháu đích tôn Đỗ Phi K1 để thờ cúng tổ tiên vì vậy tôi không đồng ý với yêu cầu của ông Đỗ Tuấn G về việc chia thừa kế của bố mẹ tôi là căn nhà và đất tại 17B L, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Còn nếu các em tôi vẫn cương quyết chia di sản mà bố mẹ tôi để lại thì tôi xin được nhận phần di sản được chia theo quy định.

Đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Thị T trình bày. Bà T đồng ý với di sản cũng như những người được hưởng thừa kế

như các đương sự khác đã trình bày. Đối với kỷ phần của bà được chia bà tự nguyện tặng cho ông Đỗ Khánh L2, đề nghị Tòa án ghi nhận trong bản án.

Ông Đỗ Tuấn L, ông Đỗ Đăng K2, bà Đỗ Phượng L4, bà Đỗ Phượng T1 trình bày: Chúng tôi thống nhất với lời khai của nguyên đơn ông Đỗ Tuấn G, yêu cầu Tòa án phân chia di sản thừa kế của cha mẹ chúng tôi là quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại thửa đất số 111, tờ bản đồ số 61, diện tích 240m² tọa lạc tại: 17B L, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk cho 9 anh em chúng tôi.

Quá trình giải quyết các ông bà Đỗ Tuấn G, ông Đỗ Chí L3, bà Đỗ Phượng L4, ông Đỗ Đăng K2 và bà Đỗ Phượng T1 đã thể hiện nguyện vọng là tặng cho phần di sản được chia cho ông Đỗ Tuấn L. Đề nghị Tòa án ghi nhận sự tự nguyện tặng cho vào bản án.

Đối với yêu cầu của ông L2, bà H về việc trả nợ thay cho bố mẹ tôi và đóng góp xây dựng, tôn tạo nhà thì không đúng sự thật nên chúng tôi không đồng ý.

Bà Đinh Thị Kim H trình bày: Tôi là vợ ông Đỗ Khánh L2, đã sống chung với bố mẹ chồng ông Đỗ Đình B và bà Lư Mộng N từ năm 1994 đến khi bố mẹ tôi mất. Trong quá trình chung sống tôi đã chăm sóc bố mẹ và đóng góp trong việc tạo lập tài sản căn nhà và đất tại 17B L, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Cụ thể tôi đã trả nợ thay cho ông bà nhiều lần với tổng số tiền là 98.000.000 đồng (vào năm 1999), mua vật liệu xây dựng 50.000.000đ, tiền công xây nhà 11.400.000đ và nhiều lần tôn tạo lại căn nhà.

Vì vậy tôi không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn ông Đỗ Tuấn G về việc yêu cầu chia di sản thừa kế của bố mẹ chồng tôi. Trong trường hợp Tòa án chia thừa kế của bố mẹ chồng tôi thì tôi yêu cầu như sau:

- Trích di sản để thờ cúng tổ tiên, cha mẹ, ông bà;
- Tính công sức duy trì khôi tài sản của vợ chồng tôi;
- Tính phần tiền vợ chồng tôi đóng góp vào việc xây dựng, tôn tạo căn nhà.
- Tính tiền do vợ chồng tôi đã thanh toán cho cha mẹ, tổng cộng 98.000.000 đồng (tương đương 22 lượng vàng thời điểm năm 1999);

Tại bản án số: 13/2020/DS-ST ngày 10/03/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

- Áp dụng khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 36, khoản 1 Điều 147, điểm a khoản 1 Điều 203; Điều 220; Điều 227; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;
- Áp dụng các Điều 9; 609; 610; 611; 612; 613; 616; 617; 618; 623; 649; 650; 651 và Điều 660 Bộ luật dân sự 2015;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đỗ Tuấn G.

Xác định thửa đất số 111, tờ bản đồ số 61, diện tích 313,8m² (diện tích thực tế 240m²) đã được UBND Tp. B cấp GCNQSD đất số CP 204047 ngày 29/01/2019 và 01 căn nhà cấp 4 tọa lạc trên diện tích đất trên là di sản của cụ Đỗ Đình B và cụ Lưu Mộng N để lại. Trị giá tài sản: 2.000.000.000đ (Hai tỷ đồng).

Xác định hàng thừa kế thứ nhất gồm có 9 người: Ông Đỗ Khánh L2, ông Đỗ Tuấn G, bà Đỗ Thị K, bà Đỗ Thị T, ông Đỗ Chí L3, bà Đỗ Phượng L4, ông Đỗ Đăng K2, bà Đỗ Phượng T1, ông Đỗ Tuấn L.

Trích 5% trị giá di sản thừa kế (tương đương số tiền 100.000.000đ) cho người quản lý di sản. Di sản còn lại là 1.900.000.000đ, chia cho 9 kỹ phần, mỗi kỹ phần trị giá 211.111.000đ. Ông Đỗ Khánh L2 được chia 522.222.222đ. Ông Đỗ Tuấn L được chia 1.266.666.000đ, bà Đỗ Thị K được chia 211.111.000đ.

2. Giao cho ông Đỗ Khánh L2 quản lý, sử dụng toàn bộ khối tài sản đã nêu ở trên. Trị giá 2.000.000.000đ (Hai tỷ đồng).

Ông Đỗ Khánh L2 có nghĩa vụ trả cho bà Đỗ Thị K số tiền 211.111.000đ đồng. (Hai trăm mười một triệu đồng).

Ông Đỗ Khánh L2 có nghĩa vụ trả cho ông Đỗ Tuấn L số tiền 1.266.666.000đ đồng (Một tỷ hai trăm sáu mươi sáu triệu đồng).

Ông Đỗ Khánh L2 có trách nhiệm, nghĩa vụ đến Cơ quan có thẩm quyền để làm các thủ tục theo quy định của pháp luật về đất đai khi bản án đã có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền nêu trên, nếu người phải thi hành án không thi hành thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về chi phí thẩm định, định giá, án phí, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 24/03/2020, ông Đỗ Tuấn L kháng cáo không đồng ý bản án sơ thẩm giao cho ông L2 quản lý sử dụng tài sản và không đồng ý với giá trị của căn nhà và lô đất.

Ngày 20/3/2020, ông Đỗ Khánh L2 kháng cáo đề nghị HĐXX phúc thẩm xem xét: Trước khi chia di sản thừa kế đề nghị trích cho ông khoản tiền gồm:

Tiền duy trì tăng giá trị khối tài sản; tiền chăm sóc bố mẹ nhiều năm khi bố mẹ già yếu; tiền thờ cúng tổ tiên, ông, bà cha mẹ đã mất; tiền phụ cha mẹ xây nhà; tiền trả nợ thay cha mẹ.

Theo quyết định kháng nghị số: 03/QĐKNPT-VKS-DS ngày 24/03/2020 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột đề nghị HĐXX phúc thẩm xem xét sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 13/2020/DS-ST ngày 10 tháng 03 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk theo hướng: Di sản thừa kế phải trừ ra khoản tiền nợ tiền sử dụng đất 300.000.000 đồng và nợ tiền lệ phí trước bạ nhà đất 1.572.158 đồng rồi mới chia cho các đồng thừa kế. Trích 10% trị giá di sản thừa kế cho ông Đỗ Khánh L2.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện và đơn kháng cáo, bị đơn vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Tại phiên tòa Luật sư bảo vệ quyền lợi cho đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đề nghị HĐXX xem xét chấp nhận giao nhà và đất là di sản thừa kế cho ông L vì hiện tại ông L đã ly hôn vợ nuôi 3 con nhỏ không có chỗ ở, ông L có nghĩa vụ thanh toán lại kỹ phần thừa kế cho các đồng thừa kế. Tòa án cấp sơ thẩm trích cho người quản lý di sản có công quản lý, tôn tạo lo hương hỏa, thờ cúng và làm tăng giá trị tài sản trị giá 5% là không có cơ sở đề nghị HĐXX không chấp nhận; đồng thời đề nghị chia di sản thừa kế theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk giữ nguyên Quyết định kháng nghị số 03/QĐKNPT-VKS-DS ngày 24/03/2020 của Viện trưởng viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột và phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2020/DS-ST ngày 10/3/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xác định di sản thừa kế là thửa đất số 111, tờ bản đồ số 61, diện tích 313,8m² (diện tích thực tế 240m²) đã được UBND Tp. Buôn Ma Thuột cấp GCNQSD đất số CP 204047 ngày 29/01/2019 và 01 căn nhà cấp 4 tọa lạc trên diện tích đất trên là có căn cứ. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm chia di sản thừa kế tương đương với từng kỹ phần cho các đồng thừa kế nhưng không xem xét đến phần nghĩa vụ ghi nợ tiền sử dụng đất, tiền lệ phí trước bạ và khấu trừ công chăm sóc, phụng dưỡng người để lại di sản thừa kế cho ông Đỗ Khánh L2 5% là chưa phù hợp, bởi lẽ:

Tài sản đã được Cơ quan có thẩm quyền là UBND thành phố B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CP 204047 ngày 29/01/2019 nhưng ghi rõ trong giấy chứng nhận quyền sử dụng

đất là 300.000.000 đồng và nợ tiền lệ phí trước bạ nhà đất 1.572.158 đồng (Tại biên bản làm việc ngày 24/02/2020 các bên đương sự đều biết về vấn đề này). Tuy nhiên, khi thực hiện phân chia di sản thừa kế đồng thời phân chia nghĩa vụ nhưng trong bản án sơ thẩm chỉ xem xét phân chia di sản thừa kế mà không xem xét đến phân chia phần nghĩa vụ tiền sử dụng đất, tiền lệ phí trước bạ là chưa đúng theo quy định tại Điều 615 và Điều 658 Bộ luật Dân sự.

Ông Đỗ Khánh L2 là người chung sống với cụ B và cụ N, phụng dưỡng các cụ trong thời gian dài trước khi mất (từ năm ông L2 18 tuổi đến khi cụ B mất vào năm 2014 và cụ N mất vào năm 2017); có công quản lý, tôn tạo, lo hương hỏa, thờ cúng và làm tăng giá trị tài sản. Do đó, Tòa án chỉ xem xét trích một phần di sản thừa kế trị giá 5% di sản thừa kế là quá thấp.

Từ những phân tích ở trên, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của ông Đỗ Tuấn L; chấp nhận một phần kháng cáo của ông Đỗ Khánh L2; chấp nhận Quyết định kháng nghị số 03/QĐKNPT-VKS-DS ngày 24/03/2020 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 13/2020/DS-ST ngày 10 tháng 03 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk theo hướng: Di sản thừa kế phải trừ ra khoản tiền nợ tiền sử dụng đất 300.000.000 đồng và nợ tiền lệ phí trước bạ nhà đất 1.572.158 đồng rồi mới chia cho các đồng thừa kế. Trích 10% trị giá di sản thừa kế cho ông Đỗ Khánh L2.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, HĐXX nhận định:

[1] Về nội dung vụ án: Cụ Đỗ Đình B và Lư Mộng N có 09 người con gồm: ông Đỗ Tuấn G, bà Đỗ Thị K, bà Đỗ Thị T, ông Đỗ Chí L3, bà Đỗ Phượng L4, ông Đỗ Đăng K2, bà Đỗ Phượng T1, ông Đỗ Tuấn L. Khi còn sống 02 cụ đã tạo dựng được khối tài sản là quyền sử dụng đất có chiều ngang 6m, chiều dài 40m tọa lạc tại: Số 17B L, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Thửa đất trên đã được UBND Tp. B cấp GCNQSD đất số CP 204047, thửa đất số 111, tờ bản đồ số 61, diện tích 313,8m²(diện tích thực tế là 240m²) vào ngày 29/01/2019. Người đứng tên là ông Đỗ Khánh L2 (ông L2 người đại diện của những người cùng thừa kế gồm Đỗ Tuấn G, bà Đỗ Thị K, bà Đỗ Thị T, ông Đỗ Chí L3, bà Đỗ Phượng L4, ông Đỗ Đăng K2, bà Đỗ Phượng T1, ông Đỗ Tuấn L). Trên GCNQSD đất ghi nợ tiền sử dụng đất 300.000.000đ, tiền lệ phí trước bạ 1.572.000đ. Tọa lạc trên phần diện tích đất trên là căn nhà xây cấp 4 diện tích khoảng 200m².

Khi cụ N, cụ B chết, không để lại di chúc. Di sản các cụ để lại là thửa đất và căn nhà trên đất tại 17B L, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Hiện ông Đỗ Khánh L2 đang quản lý, sử dụng căn nhà này. Ngoài 09 người con đã nêu ở trên thì các cụ không có con riêng, con nuôi.

[2] Xét nội dung đơn kháng cáo của các bên đương sự và Quyết định kháng nghị số 03/QĐKNPT-VKS-DS ngày 24/03/2020 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột Hội đồng xét xử thấy rằng:

Do diện tích đất không lớn (ngang 06m, dài 40m) nên không thể chia cho các đồng thừa kế bằng hiện vật vì sẽ làm ảnh hưởng đến giá trị sử dụng đất mà cần giao cho một trong các đồng thừa kế quản lý sử dụng, đồng thừa kế này có trách nhiệm trả tiền cho các đồng thừa kế khác là phù hợp.

Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm và cấp phúc thẩm cả người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Đỗ Tuấn L và bị đơn ông Đỗ Khánh L2 đều có nguyện vọng được nhận tài sản và hoàn tiền chênh lệch cho các đồng thừa kế. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông L cho rằng hiện tại ông L đã ly hôn vợ nuôi 3 con nhỏ không có chỗ ở, còn gia đình ông ông L2 có 02 sạp cho thuê ở chợ và 28 phòng trọ cho thuê. HĐXX xét thấy: Di sản thừa kế do bị đơn là ông Đỗ Khánh L2 quản lý sử dụng và ở cùng với bố mẹ từ trước đến nay, hiện tại gia đình ông L2 không có nơi ở nào khác nên cần giao cho ông L2 quản lý sử dụng toàn bộ tài sản trên. Ông L2 có trách nhiệm trích giá trị chênh lệch di sản được hưởng cho các đồng thừa kế khác là phù hợp cả đạo lý, thực tế, đúng pháp luật. Ý kiến đề nghị của ông L không có căn cứ để chấp nhận vì ông L đã có vợ con, cư trú nơi khác từ trước khi ông G khởi kiện chia di sản thừa kế. Mặt khác, ông L cho rằng gia đình ông ông L2 có 02 sạp cho thuê ở chợ và 28 phòng trọ cho thuê. Ông L2 cho rằng 28 phòng trọ cho thuê là của ông cậu phía bên vợ chứ không phải là của gia đình ông, 2 sạp cho thuê ở chợ tạm B đang chuẩn bị giải tỏa mọi người dân ở B ai cũng biết, ông L không đưa ra chứng cứ gì để chứng minh và không được ông L2 chấp nhận.

Đối với số tiền nợ tiền sử dụng đất 300.000.000 đồng và nợ tiền lệ phí trước bạ nhà đất 1.572.158 đồng HĐXX xét thấy:

Tại biên bản làm việc ngày 24/02/2020 (BL: 164) các bên đương sự đều xác nhận di sản thừa kế đã được Cơ quan có thẩm quyền là UBND thành phố B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP 204047 ngày 29/01/2019 nhưng ghi rõ trong giấy chứng nhận là nợ tiền sử dụng đất 300.000.000 đồng và nợ tiền lệ phí trước bạ nhà đất 1.572.158 đồng. Lẽ ra, khi thực hiện phân chia di sản thừa kế thì phải đồng thời phân chia nghĩa vụ nhưng trong bản án sơ thẩm chỉ xem xét đến phân chia di sản thừa kế mà không xem xét phân chia phần nghĩa vụ nợ tiền sử dụng đất, tiền lệ phí trước bạ là chưa đúng theo quy định tại Điều 615 và Điều 658 Bộ luật Dân sự.

Mặc dù tại phiên tòa hôm nay ông L đề nghị nếu được giao tài sản thì ông xin chịu phần nợ thuế và lệ phí trước bạ nhưng phía ông L2 không chấp nhận đồng thời đề nghị HĐXX xem xét theo quy định của pháp luật. HĐXX xét thấy đề nghị này của ông L không được ông L2 chấp nhận và Viện Kiểm sát đã kháng nghị nên HĐXX không có căn cứ để chấp nhận.

Đối với yêu cầu tính tiền do vợ chồng ông L2 đã thanh toán cho cha mẹ, tổng cộng 98.000.000 đồng (tương đương 22 lượng vàng thời điểm năm 1999); tiền công xây dựng 11.400.000 đồng (Bút lục số 250) và tiền trả vật liệu xây dựng số tiền 50.000.000 đồng (Bút lục số 247). HĐXX thấy rằng việc ông L2 bà H yêu cầu các đồng thừa kế khác phải thanh toán tiền bị đơn đã trả nợ thay cho người để lại di sản khi còn sống các khoản này là không có căn cứ vì việc thanh toán các khoản nợ chỉ được thực hiện khi người để lại di sản đã chết mà sau đó mới có người khởi kiện thì mới trích di sản để trả nợ.

Ông Đỗ Khánh L2 là người chung sống với cụ B và cụ N, phụng dưỡng các cụ trong một thời gian dài trước khi mất (từ năm ông L2 18 tuổi cho đến khi cụ B mất năm 2014 và cụ N mất năm 2017), có công quản lý, tôn tạo lo hương hỏa, thờ cúng và làm tăng giá trị tài sản nhưng Tòa sơ thẩm chỉ trích một phần di sản thừa kế trị giá 5% là quá thấp, chưa phù hợp nên cần trích 10% (tương đương 01 phần thừa kế 250.000.000đ) mới phù hợp với thực tế và theo quy định tại Điều 618 Bộ luật Dân sự.

Tại biên bản định giá ngày 27/5/2020 (BL: 261-263) xác định tổng giá trị nhà và đất theo giá thị trường là 2.500.000.000 đồng (*Hai tỉ năm trăm triệu đồng*).

Trừ nợ tiền sử dụng đất 300.000.000 đồng và nợ tiền lệ phí trước bạ nhà đất 1.572.158 đồng. Trích 10% trị giá di sản thừa kế (số tiền 250.000.000đ) cho người quản lý di sản. Di sản còn lại là 1.948.428.000đ (*Một tỉ chín trăm bốn mươi tám triệu bốn trăm hai mươi tám nghìn đồng*), chia cho 9 kỷ phần, mỗi kỷ phần trị giá 216.492.000đ (*Hai trăm mười sáu triệu bốn trăm chín mươi hai nghìn đồng*).

Ngoài kỷ phần được chia theo pháp luật ông Đỗ Khánh L2 còn được nhận 01 kỷ phần do bà Đỗ Thị T tặng cho và 250.000.00đ dành cho người quản lý di sản. Tổng cộng ông L2 được chia số tiền: $250.000.000đ + (216.492.000đ \times 2) = 682.984.000đ$.

Quá trình giải quyết các đồng thừa kế ông Đỗ Tuấn G, Đỗ Chí L3, ông Đỗ Đăng K2, bà Đỗ Phượng L4, bà Đỗ Phượng T1 tự nguyện tặng cho phần di sản của mình được chia cho ông Đỗ Tuấn L, như vậy ông L được hưởng 6 kỷ phần tương đương số tiền: $216.492.000đ \times 6 = 1.298.952.000$ đồng.

- Bà Đỗ Thị K được chia 01 kỷ phần tương đương số tiền 216.492.000đ.

Xét việc tặng cho kỷ phần được hưởng giữa các đồng thừa kế với nhau là tự nguyện và không trái pháp luật là phù hợp cần chấp nhận.

Từ những phân tích ở trên, HĐXX cần chấp nhận một phần kháng cáo của ông Đỗ Tuấn L; Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Đỗ Khánh L2; Chấp nhận Quyết định kháng nghị số: 03/QĐKNPT-VKS-DS ngày 24/03/2020 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk - Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 13/2020/DS-ST ngày 10/03/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

[3]. Về chi phí thẩm định, định giá: Tại Tòa án sơ thẩm nguyên đơn tự nguyện chịu chi phí thẩm định, định giá lần 1 số tiền là 2.200.000đ được khấu trừ vào số tiền nguyên đơn đã nộp ngày 04/11/2019. Số tiền chi phí định giá lần 2 tại Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk là 1.500.000đ mỗi bên chịu ½. Ngày 27/5/2020, ông L đã nộp chi phí 1.500.000đ. Vì vậy, ông L được nhận lại 750.000 đồng sau khi thu được của ông L2.

[4]. Về án phí:

Về án phí DSST: Các đương sự phải chịu án phí dân sự có giá ngạch tương ứng với phần tài sản được nhận. Riêng đối với bà Đỗ Thị K và ông Đỗ Khánh L2 là người cao tuổi nên được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Về án phí DSPT: Do được chấp nhận kháng cáo nên ông Đỗ Tuấn L và ông Đỗ Khánh L2 không phải chịu án phí DSPT.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 36, khoản 1 Điều 147, điểm a khoản 1 Điều 203; Điều 220; Điều 227; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Áp dụng các Điều 9; 609; 610; 611; 612; 613; 616; 617; 618; 623; 649; 650; 651 và Điều 660 Bộ luật dân sự 2015;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Đỗ Tuấn L.

- Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Đỗ Khánh L2.

- Chấp nhận Quyết định kháng nghị số: 03/QĐKNPT-VKS-DS ngày 24/03/2020 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 13/2020/DS-ST ngày 10/03/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

[2].Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đỗ Tuấn G.

Xác định thửa đất số 111, tờ bản đồ số 61, diện tích 313,8m² (diện tích thực tế 240m²) đã được UBND Tp. B cấp GCNQSD đất số CP 204047 ngày 29/01/2019 và 01 căn nhà cấp 4 tọa lạc trên diện tích đất trên là di sản của cụ Đỗ Đình B và cụ Lưu Mộng N để lại. Trị giá tài sản: 2.500.000.000đ (*Hai tỷ năm trăm triệu đồng*).

Xác định hàng thừa kế thứ nhất gồm có 9 người: Ông Đỗ Khánh L2, ông Đỗ Tuấn G, bà Đỗ Thị K, bà Đỗ Thị T, ông Đỗ Chí L3, bà Đỗ Phượng L4, ông Đỗ Đăng K2, bà Đỗ Phượng T1, ông Đỗ Tuấn L.

Giao cho ông Đỗ Khánh L2 quản lý, sử dụng toàn bộ khối tài sản đã nêu ở trên. Trị giá 2.500.000.000đ (*Hai tỷ năm trăm triệu đồng*).

Ông Đỗ Khánh L2 có nghĩa vụ trả cho bà Đỗ Thị K số tiền 216.492.000đ (*Hai trăm mười sáu triệu bốn trăm chín mươi hai nghìn đồng*).

Ông Đỗ Khánh L2 có nghĩa vụ trả cho ông Đỗ Tuấn L số tiền 1.298.952.000đ (*Một tỉ hai trăm chín mươi tám triệu chín trăm năm mươi hai nghìn đồng*).

Ông Đỗ Khánh L2 được quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục về đất đai, nhà ở theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3].Về chi phí thẩm định, định giá: Nguyên đơn tự nguyện chịu chi phí thẩm định, định giá lần 1 là 2.200.000đ được khấu trừ vào số tiền đã nộp ngày 04/11/2019. Số tiền chi phí định giá lần 2 là 1.500.000đ mỗi bên chịu ½. Ngày 27/5/2020, ông L đã nộp chi phí 1.500.000đ. Ông L được nhận lại 750.000 đồng sau khi thu được của ông L2.

[4]. Về án phí:

[4.1].Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Đỗ Thị K và ông Đỗ Khánh L2 được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho ông Đỗ Tuấn G số tiền 2.775.000đ (*Hai triệu bảy trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*) do ông Đỗ Tuấn L đã nộp thay theo biên lai số AA/2019/0001640 ngày 03/6/2019 của Chi cục thi hành án dân sự Tp. B, tỉnh Đắk Lắk.

Ông Đỗ Tuấn L phải chịu 50.968.560đ (*Năm mươi triệu chín trăm sáu mươi tám nghìn năm trăm sáu mươi đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[4.2]. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Đỗ Khánh L2, ông Đỗ Tuấn L không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Hoàn trả lại cho ông Đỗ Tuấn L 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí DSPT mà Đỗ Hạ L6 đã nộp thay ông L theo biên lai thu tạm ứng số AA/2019/0007636 ngày 13/4/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Hoàn trả lại cho ông Đỗ Khánh L2 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí DSPT mà bà Đinh Thị Kim H nộp thay ông L2 theo biên lai thu tạm ứng số AA/2019/0007637 ngày 13/4/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B.

[5]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND Tp. Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THADS Tp. B;
- Đương sự;
- Cổng thông tin điện tử TA;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Văn Công Dân